

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Số 41, Ngõ 62, Trần Bình, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (84-24) 3763 4618 Fax: (84-24) 3763 4617

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	07 - 33
Bảng cân đối kế toán	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn (sau đây gọi là Công ty) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát chung

Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4900142205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp, kể từ khi đi vào hoạt động, Công ty đã thay đổi 07 (bảy) lần, lần thay đổi thứ 07 vào ngày 10/08/2016 với vốn điều lệ là 15.000.000.000 VNĐ (Mười lăm tỷ đồng chẵn). Theo đó các thông tin về Công ty như sau:

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Trụ sở chính: Số 209 Trần Đăng Ninh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn

Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo đăng ký kinh doanh của Công ty gồm:

Bán buôn tổng hợp; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất sắt, thép, gang; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết: Đại lý, môi giới);

Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (không bao gồm bán buôn dụng cụ y tế); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;

Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Điều hành tua du lịch; Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao); Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm, và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm bán lẻ thuốc); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Xây dựng cơ bản công trình dân dụng, công trình giao thông, đường bộ ...)/.

Danh sách các chi nhánh thuộc Công ty

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh tại huyện Chi Lăng	Khu Thống nhất 1, Thị trấn Đồng Mô, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Hữu Lũng	Khu An Ninh, Thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Bình Gia	Khu III, Thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Tràng Định	Khu II, Thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Đình Lập	Khu I, Thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Lộc Bình	Số 142, Phố Bờ Sông, Thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Bắc Sơn	Tiểu khu Lương Văn Chi, TT Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Văn Lãng	Khu I, Thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại Thành phố Lạng Sơn	Số 206, Trần Đăng Ninh, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn

Chi nhánh tại huyện Văn Quan	Phố Đức Tâm II, Thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại Hà Nội	Số 475, Đường Ngọc Lâm, P.Ngọc Lâm, Q.Long Biên, Tp.Hà Nội
CN DL và TM Lạng Sơn	Số 209, Đường Trần Đăng Ninh, Phường Tam Thanh, Tp.Lạng Sơn.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã tham gia điều hành Công ty gồm:

Ông Lý Xuân Thanh	Chủ tịch
Ông Đinh Văn Thành	Phó Chủ tịch
Ông Lâm Phi Khanh	Ủy viên
Ông Ngô Huy	Ủy viên
Ông Đặng Trung Lập	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã tham gia điều hành Công ty trong năm tài chính gồm:

Ông Đặng Trung Lập	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Huy	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt (SVA). SVA đề xuất được tiếp tục chỉ định làm kiểm toán viên cho năm tài chính tiếp theo.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017, cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các quy định hiện hành của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán kèm theo. Ngoại trừ các vấn đề được trình bày trong Báo cáo kiểm toán (nếu có), báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện,

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Đặng Trung Lập

Giám đốc

Lạng Sơn, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Số:-2018/BCKT/LATRACO-SVA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn được lập ngày 31/03/2018, gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trình bày từ trang 07 đến trang 33 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của việc đưa ra ý kiến ngoại trừ

Do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên sau ngày khóa sổ 31/12/2017. Do đó, chúng tôi không thể tham gia chứng kiến công việc kiểm kê tiền mặt tại quỹ và hàng tồn kho với giá trị trên bảng cân đối kế toán lần lượt là 1.356.178.478 đồng và 25.800.258.741 đồng. Bằng các tài liệu của đơn vị cung cấp chúng tôi không thể thực hiện thủ tục kiểm toán bổ sung và thay thế. Do vậy, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về giá trị về tính hiện hữu khoản mục các khoản mục này tại thời điểm 31/12/2017, cũng như những ảnh hưởng của chúng đến tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được biên bản đối chiếu công nợ, theo đó các giá trị và tỷ lệ còn chưa được đối chiếu như sau: Đầu tư vào công ty liên kết tỷ lệ 100% tương ứng 773.463.928 đồng; Phải trả người bán chiếm tỷ lệ 50% tương ứng 8.048.941.657 đồng; Phải trả khác chiếm tỷ lệ 93% tương ứng 7.207.798.193 đồng; người mua trả tiền trước 100% tương ứng 2.631.815.547 đồng; phải thu khách hàng tỷ lệ 15% tương ứng 12.898.318.382 đồng. Bằng các tài liệu được cung cấp, chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế khác để xác nhận được tính hiện hữu, tính đầy đủ và giá trị của khoản công nợ nói trên, do đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", trên các khía cạnh trọng yếu Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không nhằm đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ, nhưng chúng tôi xin lưu ý tới người đọc báo cáo tài chính này, như đã nêu tại thuyết minh số V.3 "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" cho thấy tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2017 Công ty có khoản phải thu ngắn hạn khách hàng là 84.055.286.363 đồng, trong đó giá trị của khoản nợ phải thu quá hạn đã trích lập dự phòng 100% là 3.173.478.200 đồng, giá trị của khoản nợ phải thu quá hạn nhưng chưa trích lập dự phòng là 16.196.560.000 đồng.

Thay mặt và đại diện

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

Nguyễn Phương Lan Anh

Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số:

0673-2018-107-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2018

Nguyễn Thanh Hoa

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số:

2325-2014-107-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số: B01-DN

Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI SẢN	MÃ SỐ	GHI CHÚ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1		2	3	4	5
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		129.227.437.125	121.184.105.191
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.494.266.127	2.607.076.622
1	Tiền	111		10.494.266.127	2.607.076.622
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	277.226.900
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	277.226.900
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		92.346.900.349	97.697.958.984
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	84.055.286.363	97.189.903.665
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.393.543.966	1.347.897.989
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	142.371.566
4	Phải thu theo tiến độ KHHĐ xây dựng	134		-	-
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	3.071.548.220	577.653.354
7	Dự phòng các khoản phải thu NH khó đòi	137	V.6	(3.173.478.200)	(1.559.867.590)
	(*)				
IV	Hàng tồn kho	140		25.800.258.741	19.996.634.753
1	Hàng tồn kho	141	V.7	25.800.258.741	20.000.534.753
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(3.900.000)
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		586.011.908	605.207.932
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	20.320.500	52.628.733
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.850.815	189.812.091
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.9	557.840.593	362.767.108
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30.387.202.565	24.525.446.138
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II	Tài sản cố định	220		27.348.289.298	18.402.082.607
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	24.867.948.966	18.312.082.607
	- Nguyên giá	222		34.440.988.703	26.605.755.587
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(9.573.039.737)	(8.293.672.980)
2	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	2.480.340.332	90.000.000
	- Nguyên giá	228		2.657.948.500	200.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(177.608.168)	(110.000.000)
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	-	3.220.512.221
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	3.220.512.221
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		773.463.928	773.463.928
1	Đầu tư vào công ty liên kết	252	V.13	773.463.928	773.463.928
IV	Tài sản dài hạn khác	260		2.265.449.339	2.129.387.382
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.765.449.339	1.629.387.382
2	Tài sản dài hạn khác	268	V.15	500.000.000	500.000.000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	250		159.614.639.690	145.709.551.329

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Tiếp theo)

Mẫu số: B01-DN

Đơn vị tính: VNĐ

STT	NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	GHI CHÚ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	1	2	3	4	5
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		137.654.433.179	124.311.752.160
I	Nợ ngắn hạn	310		130.858.837.904	118.489.610.728
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	16.171.318.985	16.917.347.926
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	2.631.815.547	104.133.096
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	818.924.411	1.355.739.363
4	Phải trả người lao động	314		209.756.279	132.860.429
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	215.551.328	175.759.777
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		634.437.241	-
7	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20	673.921.818	426.090.909
8	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.21	7.791.206.599	8.465.722.988
9	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22	101.648.692.873	90.808.092.463
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		63.212.823	103.863.777
II	Nợ dài hạn	330		6.795.595.275	5.822.141.432
1	Phải trả dài hạn người bán dài hạn	331		-	227.738.736
2	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
3	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.23	4.175.595.275	3.667.194.545
4	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
5	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.24	2.620.000.000	1.927.208.151
B	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		21.960.206.511	21.397.799.169
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.25	21.960.206.511	21.397.799.169
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	15.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2	Vốn khác của chủ sở hữu	414		63.031.500	63.031.500
3	Quỹ đầu tư phát triển	418		4.087.754.541	4.020.975.494
4	Lợi nhuận chưa phân phối	421		2.609.614.276	2.113.985.981
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		902.222.736	1.080.427.888
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.707.391.540	1.033.558.093
5	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		199.806.194	199.806.194
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		159.614.639.690	145.709.551.329
Giám đốc				Kế toán trưởng	

Đặng Trung Lập

Lạng Sơn, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Nông Kim Tiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2017

Mẫu số: B02-DN

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	GHI CHÚ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	370.809.366.867	474.030.306.457
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.2	168.413.728	326.992.263
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	370.640.953.139	473.703.314.194
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	349.364.103.781	451.509.839.497
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.276.849.358	22.193.474.697
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	61.297.756	2.263.822.350
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	6.939.268.927	7.640.945.522
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.867.741.399	8.503.600.595
8. Chi phí bán hàng	24		4.829.050.375	3.663.497.283
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		9.911.705.242	11.699.511.175
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(341.877.430)	1.453.343.068
11. Thu nhập khác	31		2.498.262.783	141.023.006
12. Chi phí khác	32		9.716.742	259.804.742
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	2.488.546.041	(118.781.736)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.146.668.611	1.334.561.332
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.8	439.277.071	301.003.239
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.707.391.540	1.033.558.093
18. Lãi cơ bản trên Cổ phiếu	70	VI.9	1.138	689
Giám đốc			Kế toán trưởng	

Đặng Trung Lập

Lạng Sơn, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Nông Kim Tiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Mẫu số: B03-DN

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.146.668.611	1.334.561.332
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	1.385.764.110	1.197.135.406
- Các khoản dự phòng	03	1.609.710.610	1.515.524.590
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	47.559.430
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(61.297.756)	(1.477.660.987)
- Chi phí lãi vay	06	6.867.741.399	7.548.535.873
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	11.948.586.974	10.165.655.644
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	3.724.335.816	30.212.617.864
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5.799.723.988)	62.244.683.507
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(2.052.271.091)	(20.175.272.068)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(103.753.724)	515.248.391
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.586.980.958)	(7.548.535.873)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(403.994.424)	(314.351.339)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	105.010.000	98.277.990
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(69.199.046)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	762.009.559	75.198.324.116
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(3.570.301.756)	(3.459.847.273)
2. Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	450.000	13.020.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	61.297.756	1.525.080.584
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.508.554.000)	(1.921.746.689)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	308.396.761.828	339.768.638.019
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(296.863.369.569)	(416.437.671.029)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(900.000.000)	(975.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	10.633.392.259	(77.644.033.010)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	7.886.847.818	(4.367.455.583)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.607.076.622	7.022.091.635
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	341.687	(47.559.430)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	10.494.266.127	2.607.076.622
Giám đốc		Kế toán trưởng	

Đặng Trung Lập

Lạng Sơn, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Nông Kim Tiến

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

1) Khái quát chung

Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4900142205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp, kể từ khi đi vào hoạt động, Công ty đã thay đổi 07 (bảy) lần, lần thay đổi thứ 07 vào ngày 10/08/2016 với vốn điều lệ là 15.000.000.000 VNĐ (Mười lăm tỷ đồng chẵn). Theo đó các thông tin về Công ty như sau:

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Trụ sở chính: Số 209 Trần Đăng Ninh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn

#REF!

Bán buôn tổng hợp; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất sắt, thép, gang; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết: Đại lý, môi giới);

Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lã; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (không bao gồm bán buôn dụng cụ y tế); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;

Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Điều hành tua du lịch; Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao); Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm, và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm bán lẻ thuốc); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Xây dựng cơ bản công trình dân dụng, công trình giao thông, đường bộ ...)/.

2) Những điểm quan trọng trong chính sách kế toán

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chế độ kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy vi tính

Năm tài chính: Từ ngày 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

Áp dụng Luật kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt nam

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN
Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Trong năm tài chính Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán doanh nghiệp và các chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành.

Chúng tôi tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành; phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn, hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị của các khoản này.

Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá hàng xuất kho bình quân gia quyền.

Giá gốc hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính và giá gốc hàng tồn kho:

Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.

Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.

Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.

Chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: $\text{Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ} = \text{Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng nhập trong kỳ} - \text{Giá trị hàng xuất trong kỳ}$.

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng và được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc lớn hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đúng hạn hoặc không có khả năng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”

Tài sản cố định và khấu hao

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định của Công ty được ghi chép ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi chép theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Loại tài sản

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	06 - 15 năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí về đầu tư xây dựng cơ bản (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng cơ bản sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, cho vay có thời hạn thu hồi dưới 01 năm được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày gửi hoặc cho vay.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Bao gồm các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc bắt đầu kể từ ngày phát sinh khoản đầu tư.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá tham chiếu đối với các loại chứng khoán:

Đối với chứng khoán niêm yết:

Giá chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

Giá chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết:

Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) Công ty chứng khoán tại ngày lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN
Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ 6 trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

Nguồn vốn chủ sở hữu:

Ghi nhận và trình bày vốn đầu tư của chủ sở hữu: Công ty ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu khi thực nhận vốn góp.

Ghi nhận cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn hoặc đầu tư.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng thành viên hàng năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN
Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện:

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hóa phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Tất cả các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu, chi phí được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ được hạch toán như một khoản lãi (lỗ) về tỷ giá.

Tài sản là tiền và công nợ có gốc bằng ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế do Ngân hàng nhà nước công bố tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá và được xử lý theo các quy định hiện hành.

Các nghĩa vụ về thuế:

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Các khoản thuế và lệ phí khác phải nộp theo quy định hiện hành và sẽ hoàn tất khi có cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra quyết toán. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp cũng như các khoản thuế khác sẽ tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền. Các loại thuế, phí và lệ phí khác được tính và nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Các bên có liên quan

Các bên có liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con - các cá nhân, trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN
Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

V.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.356.178.478	1.151.553.798
Tiền mặt VNĐ	1.356.178.478	1.151.553.798
Tiền gửi ngân hàng	9.138.087.649	1.455.522.824
Tiền gửi ngân hàng VNĐ	9.128.419.680	1.439.580.834
Tiền gửi ngân hàng USD	9.667.969	15.941.990
Cộng	10.494.266.127	2.607.076.622

V.2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
BIDV Lạng Sơn	-	-	277.226.900	277.226.900
Cộng	-	-	277.226.900	277.226.900

V.3. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hàng không	10.923.495.000	10.788.855.000
Công ty Cơ khí & Kết cấu Thép Sóc sơn Hà Nội	28.319.338.277	39.250.137.080
Cty Cổ phần Thép Sông Hồng	3.130.856.500	3.130.856.500
Công ty TNHH Lâm Sản WOODMAN (*)	16.196.560.000	15.915.526.500
UBND Xã Bắc Thủy	75.099.500	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần SX&TM Hà lan	15.086.360.000	20.070.533.230
HTX Thăng Long+Thép	-	472.209.745
Công ty Cổ phần Bích Thị	-	92.400.000
Trần Thị Phương (CN Bắc Sơn)	75.000.000	75.000.000
Công ty Điện lực Lạng Sơn	-	69.920.099
Công ty Cổ phần Công trình nước	-	92.252.610
Công ty TNHH Hoàng Thọ	291.306.821	291.306.821
Công ty TNHH Long Tuấn	86.704.421	155.381.641
TT xúc tiến thương mại tỉnh Lạng Sơn	16.474.250	47.882.849
Công ty TNHH Thái Dương	647.254.096	-
Trịnh Tuyết Minh	270.007.168	750.091.311
Công ty TNHH Thẩm Linh	369.274.048	-
Phòng kinh tế hạ tầng huyện Văn Quan	-	211.318.000
Công ty Cổ phần Hải Sơn	761.745.764	561.155.424
Công ty Cổ phần Minh Đức Hà Nội	388.282.200	-
Công ty Cổ phần Thái Phát	-	604.288.890
Công ty TNHH Nhật Linh	3.141.863.666	298.870.640
Công ty TNHH Trường phát Văn Quan	270.815.000	73.440.000
Hội phụ nữ huyện Văn Quan	-	10.120.000
Công ty Cổ phần TMDV Tân Minh	311.586.900	57.666.700
Nguyễn Viết Thái	-	537.851.826
Hợp tác xã hoàng Thịnh Phát	-	70.060.389
Vật tư nông nghiệp Lạng Sơn	-	20.000.000
Công ty TNHH Công Tuấn Lạng Sơn	-	45.360.000
Doanh nghiệp tư nhân Sơn Đức	-	114.688.000
Hà Thị Thúy	-	13.800.000
Vì Thị Cúc	-	13.200.000
Nguyễn Thị Lệ Tĩnh	26.485.000	26.485.000
Công ty Cổ phần Nước Lạng Sơn	92.489.709	13.578.679
Phòng CSGT Công an tỉnh Lạng Sơn	197.431.677	34.717.804

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN
Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn	87.961.360	51.908.260
Đối tượng khác	3.288.895.006	3.229.040.667
Cộng	84.055.286.363	97.189.903.665

(*) Hợp đồng kinh tế số 12/2017/HĐKT ngày 07/01/2017 giữa Công ty và Công ty TNHH Lâm sản Woodman, về việc mua bán gỗ rừng trồng, trị giá hợp đồng 5.681.000.000 đồng (đã bao gồm VAT), thời hạn giao hàng từ ngày 08/01/2017 đến 12/01/2017; thời hạn thanh toán: Trong vòng 45 ngày chuyển trả 4% trị giá hợp đồng, số còn lại 96% thanh toán trong vòng 170 ngày kể từ ngày Công ty chuyển tiền cho Công ty TNHH Hoàng Khánh (Công ty CP TM Lạng Sơn đã chuyển tiền cho Công ty TNHH Hoàng Khánh vào ngày 23/01/2017), nếu chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu lãi suất 0,05%/ngày trên tổng số tiền chậm thanh toán, đến thời điểm 31/12/2017 số nợ này đã quá hạn thanh toán.

(*) Hợp đồng kinh tế số 11/2017/HĐKT ngày 02/01/2017 giữa Công ty và Công ty TNHH Lâm sản Woodman về việc mua bán gỗ rừng trồng, trị giá hợp đồng 5.468.255.000 đồng (đã bao gồm VAT), thời hạn giao hàng từ ngày 08/01/2017 đến 12/01/2017; thời hạn thanh toán: Trong vòng 45 ngày chuyển trả 4% trị giá hợp đồng, số còn lại 96% thanh toán trong vòng 170 ngày kể từ ngày Công ty chuyển tiền cho Công ty TNHH Hoàng Khánh (Công ty đã chuyển tiền cho Công ty TNHH Hoàng Khánh vào ngày 20/01/2017), nếu chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu lãi suất 0,05%/ngày trên tổng số tiền chậm thanh toán, đến thời điểm 31/12/2017 số nợ này đã quá hạn thanh toán.

(*) Hợp đồng kinh tế số 13/2017/HĐKT ngày 12/01/2017 giữa Công ty và Công ty TNHH Lâm sản Woodman về việc mua bán gỗ rừng trồng; trị giá hợp đồng 5.297.305.000 đồng (đã bao gồm VAT), thời hạn giao hàng từ ngày 13/01/2017 đến 19/01/2017; thời hạn thanh toán: Trong vòng 45 ngày chuyển trả 4% trị giá hợp đồng, số còn lại 96% thanh toán trong vòng 170 ngày kể từ ngày Công ty chuyển tiền cho Công ty TNHH Hoàng Khánh (Công ty đã chuyển tiền cho Công ty TNHH Hoàng Khánh vào ngày 08/02/2017), nếu chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu lãi suất 0,05%/ngày trên tổng số tiền chậm thanh toán, đến thời điểm 31/12/2017 số nợ này đã quá hạn thanh toán.

V.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Quỳnh Minh	8.293.740.057	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Minh Tâm	10.537.848	-
Công ty Cổ phần Thành Lê	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Địa chính Hồ Tây	-	140.000.000
Trung tâm phát triển quỹ đất Hà nội	-	22.900.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tân Minh	89.266.061	89.266.061
Đối tượng khác	-	95.731.928
Cộng	8.393.543.966	1.347.897.989

V.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	73.080.000	382.831.304
<i>Hoàng Hải Anh</i>	-	369.751.304
<i>Bế Minh Vũ</i>	13.080.000	13.080.000
<i>Nông Việt Cường</i>	60.000.000	-
Cầm cố, Ký quỹ	288.789.572	-
Phải thu khác	2.709.678.648	194.822.050
BHXX, BHYT, BHTN	32.429.992	23.094.212
Lãi phải thu khó đòi, trong đó:	2.488.604.621	-
<i>Công ty TNHH Lâm Sản WOODMAN.</i>	1.385.717.255	-
<i>Công ty Cổ phần Cơ khí và Kết cấu Thép Sóc Sơn.</i>	1.102.887.366	-
Phải thu khác	188.644.035	171.727.838
Cộng	3.071.548.220	577.653.354

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN
Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

V.6. Nợ xấu (Phụ lục 05 trang 32)

V.7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đi đường	4.899.840.000	-	-	-
- Ngô hạt	4.899.840.000	-	-	-
Nguyên vật liệu	1.646.564.801	-	1.522.848.475	-
- Rượu	1.646.564.801	-	1.522.848.475	-
Thành Phẩm	535.180.107	-	598.269.557	-
- Rượu	535.180.107	-	598.269.557	-
Hàng hóa	18.718.673.833	-	17.879.416.721	3.900.000
- Vật liệu đảm	-	-	76.200.000	-
- Quặng Nhôm	-	-	425.013.664	-
- Sạn Magie	-	-	599.016.209	-
- Mũ tổ hợp SX Pin R3	88.029.900	-	-	-
- Đĩa đánh bóng	98.620.000	-	-	-
- Trục Cán	184.875.000	-	184.875.000	-
- Gạch chịu lửa	-	-	145.869.020	-
- Ống dẫn thấu khí	899.448.005	-	-	-
- Đồ nội thất văn phòng	638.995.790	-	-	-
- Xi măng	143.654.035	-	-	-
- Thép	577.136.211	-	-	-
- Đá xây dựng	54.503.636	-	-	-
- Gạch đặc	88.560.000	-	-	-
- Gạch cao Nhôm	107.960.491	-	-	-
- Chăn ga gối đệm	3.429.228.039	-	-	-
- Phụ kiện hệ thống nước	1.980.981.700	-	-	-
- Hàng điện dân dụng	1.691.674.051	-	-	-
- Xăng dầu	1.652.024.327	-	3.821.992.105	-
- Dầu máy	74.982.435	-	69.199.392	-
- Máy Nông nghiệp	1.434.488.655	-	1.774.264.677	-
- Hàng hóa khác	5.573.511.558	-	10.782.986.654	3.900.000
Cộng	25.800.258.741	-	20.000.534.753	3.900.000

V.8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị còn lại chờ phân bổ	20.320.500	52.628.733
Số còn phải phân bổ cuối năm	20.320.500	52.628.733

V.9. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế tiêu thụ đặc biệt	557.840.593	362.767.108
Cộng	557.840.593	362.767.108

V.10. Tài sản cố định hữu hình (Phụ lục số 01 trang 26)

V.11. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VNĐ

Nội dung	Quyền sử dụng đất	TSCĐ VH khác	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	-	200.000.000	200.000.000
Số tăng trong năm	2.457.948.500	-	2.457.948.500
- Mua trong năm	2.457.948.500	-	2.457.948.500

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN
Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Số giảm trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối năm	2.457.948.500	200.000.000	2.657.948.500
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	110.000.000	110.000.000
Số tăng trong năm	57.608.168	10.000.000	67.608.168
- Khấu hao trong năm	57.608.168	10.000.000	67.608.168
Số giảm trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối năm	57.608.168	120.000.000	177.608.168
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	90.000.000	90.000.000
Tại ngày cuối năm	2.400.340.332	110.000.000	2.480.340.332

V.12. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang	-	3.220.512.221
Công trình Đình Lập	-	3.114.793.434
Công trình Hữu Lũng	-	105.718.787
Cộng	-	3.220.512.221

V.13. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
LD hàng miễn thuế	773.463.928	-	773.463.928	-
Cộng	773.463.928	-	773.463.928	-

Theo hợp đồng liên doanh ngày 12/06/1998 giữa Công ty và Công ty EDF (Vietnam) Limited về việc hợp tác thành lập "Công ty Liên doanh hàng miễn thuế Lạng Sơn"; thời hạn liên doanh là 20 năm kể từ ngày cấp giấy phép của Bộ KH và ĐT; tỷ lệ góp vốn: phía Công ty góp 40%, EDF góp 60%. Giấy phép đầu tư số 2078/GP của Bộ KH và ĐT ngày 28/11/1998 quyết định cho phép Công ty và Công ty EDF (Vietnam) Limited thành lập "Công ty liên doanh hàng miễn thuế Lạng Sơn"; Thời hạn cấp phép là 15 năm. Giấy chứng nhận đầu tư số 141022000093 thay đổi lần thứ 01 ngày 07/11/2013 của Công ty Liên doanh hàng miễn thuế Lạng Sơn; Vốn điều lệ là 326.000 USD (bên VN góp 132.000 USD, chiếm 40%; bên nước ngoài góp 194.000 USD, chiếm 60%); Thời gian hoạt động của dự án là 15 năm (2013 - 2028) kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 01.

V.14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị còn lại chờ phân bổ	1.403.299.619	619.438.582
CP cho giai đoạn triển khai không đủ điều kiện ghi nhận tài sản	362.149.720	1.009.948.800
Số còn phải phân bổ cuối năm	1.765.449.339	1.629.387.382

V.15. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký cược ký quỹ dài hạn (*)	500.000.000	500.000.000
Cộng	500.000.000	500.000.000

(*) Là khoản ký cược kỹ quỹ du lịch tại Vietinbank - Chi nhánh Lạng Sơn cho hoạt động kinh doanh lữ hành du lịch theo quy định của nhà nước về hoạt động kinh doanh Lữ hành Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN
Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

V.16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Cty HH MD XNK Uy	2.334.020.570	2.334.020.570	2.778.474.860	2.778.474.860
Thăng Ninh Minh TQ				
Cty CP Thành Lê	978.215.077	978.215.077	-	-
Hợp tác xã Thăng Long	187.938.880	187.938.880	660.148.625	660.148.625
Công ty TNHH Nông	-	-	4.384.965.500	4.384.965.500
Sân Việt Mỹ				
XNK Kim Nguyên	3.773.000	3.773.000	44.229.933	44.229.933
Xuất nhập khẩu Bảo Lai	-	-	409.574.826	409.574.826
Dịch si Thái Đạt	-	-	467.453.192	467.453.192
XNK Hải Thịnh	989.892.805	989.892.805	49.967.835	49.967.835
Công ty TNHH	4.899.840.000	4.899.840.000	-	-
ĐT&PTNN VIMAG				
Công ty CP Thương mại	65.200.000	65.200.000	-	-
Hoàng Nguyên Lạng Sơn				
Công ty TNHH SX	72.371.200	72.371.200	-	-
Nhựa Việt Nhật				
Trịnh Tuyết Minh	811.312.440	811.312.440	1.597.666.368	1.597.666.368
Dương Kim Dân	-	-	805.373.881	805.373.881
Thanh Vân	-	-	47.999.710	47.999.710
Công ty CPTM XNK	629.700	629.700	229.725.000	229.725.000
Thành Lợi				
C.ty TNHH Song Long	79.217.133	79.217.133	-	-
Công ty CP XD DK	1.658.941.554	1.658.941.554	2.422.183.500	2.422.183.500
Quảng Ninh				
Công ty CP DAMOND	-	-	124.866.500	124.866.500
Công ty TNHH Xây	-	-	383.887.500	383.887.500
dựng Hoàng Kim				
Trần Thị Huyền	142.884.308	142.884.308	-	-
Cao Thị Hà	176.460.807	176.460.807	-	-
Trịnh Quỳnh Anh	99.464.961	99.464.961	-	-
Vũ Thị Huệ	14.909.091	14.909.091	-	-
Nguyễn Đăng Linh	150.906.047	150.906.047	-	-
Vũ Thu Hà	71.614.758	71.614.758	-	-
Đỗ Thị thanh Huyền	31.458.091	31.458.091	-	-
Trần Minh Thùy	32.675.771	32.675.771	-	-
Nguyễn Thị Hào	33.963.955	33.963.955	-	-
Nguyễn Thị Thanh Tuyền	39.062.838	39.062.838	-	-
Hoàng Thị Kim Bình	28.070.760	28.070.760	-	-
Nông Thị Nga	33.538.500	33.538.500	-	-
Tô Thị Tâm	16.761.500	16.761.500	-	-
Hoàng Thị Mạo	24.061.025	24.061.025	-	-
Công ty CP TMDV Tân	311.586.900	311.586.900	277.373.400	277.373.400
Minh				
Đối tượng khác	2.882.547.314	2.882.547.314	2.233.457.296	2.233.457.296
Cộng	16.171.318.985	16.171.318.985	16.917.347.926	16.917.347.926

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN
Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

V.17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Thế giới Di động	-	-	104.133.096	104.133.096
Hoàng Hải Anh	130.595.547	130.595.547	-	-
Nguyễn Khải Chí	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-
Đối tượng khác	1.220.000	1.220.000	-	-
Cộng	2.631.815.547	2.631.815.547	104.133.096	104.133.096

V.18. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế VAT phải nộp	299.568.384	1.498.870.007	1.423.233.784	375.204.607
Thuế TNDN	301.003.239	542.268.256	403.994.424	439.277.071
Thuế thu nhập cá nhân	3.767.390	50.651.762	49.976.419	4.442.733
Tiền thuê đất	751.400.350	3.483.292.238	4.234.692.588	-
Cộng	1.355.739.363	5.575.082.263	6.111.897.215	818.924.411

V.19. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	215.551.328	175.759.777
Cộng	215.551.328	175.759.777

V.20. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu cho thuê quầy, cửa hàng	673.921.818	328.909.091
Cộng	673.921.818	328.909.091

V.21. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả khác	1.180.549.985	1.128.697.987
Công ty Cổ phần Thành Lê (1)	100.000.000	100.000.000
Công ty Thép Sóc Sơn (2)	100.000.000	100.000.000
Bùi Văn Duyên	21.000.000	21.000.000
UBND huyện Hữu Lũng	15.678.909	8.772.000
Chi nhánh Hà Nội	316.316.000	316.316.000
Các khoản BHXH, BHYT, BHTN	42.022.571	115.866.055
Phải trả trợ cấp mất việc làm	30.903.486	30.903.486
Vũ Thu Hà	4.000.000	4.000.000
Hoàng Thị Sinh	4.000.000	4.000.000
Lưu Thị Nga	10.000.000	10.000.000
Đặng Huy Thường	4.000.000	4.000.000
Chi phí xử phạt về thuế GTGT	373.080.000	373.080.000
Phải trả khác	159.549.019	40.760.446
Vay không lãi suất	6.610.656.614	7.337.025.001
Huy động vốn cá nhân không tính lãi CN TP (*)	2.000.000.000	2.000.000.000
Hoàng Hải Anh (***)	3.700.089.061	3.747.338.464
Nguyễn Thị Thu Huyền	-	32.007.470
Nguyễn Đức Ngọc (***)	165.983.558	655.808.654
Uông Đình Thọ (***)	35.162.820	35.162.820
Bé Minh Vũ (***)	118.752.300	123.221.061
Ma Thị Xuyên (***)	190.668.875	343.486.532

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN
Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Phạm Văn Mừng (***)	400.000.000	400.000.000
Cộng	7.791.206.599	8.465.722.988

(1) Đặt tiền đầu thầu xây dựng công trình nhà bán hàng Hữu Lũng.

(2) Công ty Thép Sóc Sơn nộp thay khoản đảm bảo nộp thuế hàng NK Chi cục hải quan KVI

(*) Là các khoản huy động vốn các cá nhân không tính lãi tại Chi nhánh Thành phố không tính lãi suất và không có hợp đồng do dùng cho khoản huy động vốn vay này.

(***) Theo hợp đồng vay số 01 ngày 28/09/2015 với Ông Nguyễn Đức Ngọc, không có tài sản thế chấp, lãi suất 0% thời hạn vay từ 01/10/2015 đến 31/12/2016. Số tiền vay 13.080.130.323 đồng, mục đích vay là thanh toán tiền mua hàng và các chi phí liên quan đến việc mua bán hàng hóa của Công ty.

(***) Theo hợp đồng vay số 02 ngày 28/09/2015 với Bà Ma Thị Xuyên, không có tài sản thế chấp, lãi suất 0% thời hạn vay từ 01/10/2015 đến 31/12/2016. Số tiền vay: 380.498.827 đồng, mục đích vay là thanh toán tiền mua hàng và các chi phí liên quan đến việc mua bán hàng hóa của Công ty.

(***) Theo hợp đồng vay số 03 ngày 28/09/2015 với Ông Hoàng Hải Anh, không có tài sản thế chấp, lãi suất 0% thời hạn vay từ 01/10/2015 đến 31/12/2016. Số tiền vay: 3.369.703.295 đồng, mục đích vay là thanh toán tiền mua hàng và các chi phí liên quan đến việc mua bán hàng hóa của Công ty.

(***) Theo hợp đồng vay số 05 ngày 28/09/2015 với Ông Bế Minh Vũ, không có tài sản thế chấp, lãi suất 0% thời hạn vay từ 01/10/2015 đến 31/12/2016. Số tiền vay: 109.082.882 đồng, mục đích vay là thanh toán tiền mua hàng và các chi phí liên quan đến việc mua bán hàng hóa của Công ty.

(***) Theo hợp đồng vay số 06 ngày 28/09/2015 với Ông Uông Đình Thọ, không có tài sản thế chấp, lãi suất 0% thời hạn vay từ 01/10/2015 đến 31/12/2016. Số tiền vay: 35.162.820 đồng, mục đích vay là thanh toán tiền mua hàng và các chi phí liên quan đến việc mua bán hàng hóa của Công ty.

(***) Theo hợp đồng vay số 03 ngày 01/10/2016 với Ông Phạm Văn Mừng, không có tài sản thế chấp, lãi suất 0% thời hạn vay từ 01/10/2015 đến 31/12/2016. Số tiền vay: 400.000.000 đồng, mục đích vay là thanh toán tiền mua hàng và các chi phí liên quan đến việc mua bán hàng hóa của Công ty

V.22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Phụ lục số 02 trang 27, 28 và 29)

V.23. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu cho thuê quầy, cửa hàng	4.175.595.275	3.667.194.545
Cộng	4.175.595.275	3.667.194.545

V.24. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Phụ lục số 03 trang 30)

V.25. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục 04 trang 31)

b. Chi tiết góp vốn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Đặng Trung Lập	1.008.000.000	1.008.000.000
Ông Lâm Phi Khanh	971.000.000	971.000.000
Ông Lý Xuân Thanh	4.330.000.000	4.330.000.000
Ông Đào Văn Mạnh	935.400.000	935.400.000
Ông Ngô Huy	750.000.000	750.000.000
Ông Lục Văn Đồng	467.000.000	467.000.000
Ông Đình Văn Thành	1.323.000.000	1.323.000.000
Bà Nguyễn Thu Hương	545.000.000	545.000.000
Bà Ma Thị Xuyên	47.000.000	47.000.000
Đặng Hoàng Tâm	1.250.690.000	1.250.690.000
Bế Văn Táo	761.000.000	761.000.000
Đinh Thị Kim Yên	198.000.000	198.000.000
Vì Thị Vân	510.000.000	510.000.000
Các đối tượng khác	1.903.910.000	1.903.910.000
Cộng	15.000.000.000	15.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN
Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

c. Các giao dịch về vốn đối với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15.000.000.000	15.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	15.000.000.000	15.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	900.000.000	975.000.000

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh

VI.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	364.164.265.133	467.058.923.962
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.645.101.734	6.971.382.495
Cộng	370.809.366.867	474.030.306.457

VI.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Thuế tiêu thụ đặc biệt	168.413.728	326.992.263
Cộng	168.413.728	326.992.263

VI.3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	363.995.851.405	466.731.931.699
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	6.645.101.734	6.971.382.495
Cộng	370.640.953.139	473.703.314.194

VI.4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	346.964.484.144	450.959.549.493
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.399.619.637	550.290.004
Cộng	349.364.103.781	451.509.839.497

VI.5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	61.297.756	61.174.141
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	616.344.309
Lãi trả chậm	-	1.584.122.400
Doanh thu tài chính khác	-	2.181.500
Cộng	61.297.756	2.263.822.350

VI.6. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.867.741.399	7.447.647.478
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.294.483	145.484.878
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	20.000.000
Chi phí tài chính khác	66.233.045	27.813.166
Cộng	6.939.268.927	7.640.945.522

VI.7. Lợi nhuận khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	2.498.262.783	141.023.006
Thu đền bù công ty bảo hiểm	-	48.215.852
Lãi phạt phải thu khó đòi	2.488.604.621	-
Thu nhập khác	9.658.162	92.807.154

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN
Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Chi phí khác	9.716.742	259.804.742
Chi phí phạt hành chính thuế	9.716.742	170.454.862
Chi phí khác	-	89.349.880
Lợi nhuận khác	2.488.546.041	(118.781.736)

VI.8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế trong năm (1)	2.146.668.611	1.334.561.332
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN (2)=(3)+(4)	49.716.742	170.454.862
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (3)</i>	49.716.742	170.454.862
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (4)</i>	-	-
Tổng thu nhập tính thuế trong năm (4) = (1)+(2)	2.196.385.353	1.505.016.194
Thuế suất thuế TNDN (5)	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành trong năm (6)=(4)*(5)	439.277.071	301.003.239
Lợi nhuận sau thuế TNDN (7) = (1) – (6) - (7)	1.707.391.540	1.033.558.093

VI.9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.707.391.540	1.033.558.093
Các khoản tăng, giảm lợi nhuận	-	-
LN hoặc lỗ PB cho CĐ hiện hữu sở hữu CPPT	1.707.391.540	1.033.558.093
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	1.500.000	1.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.138	689

VI.10. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	324.473.583.299	451.509.839.497
Chi phí dự phòng	1.675.301.801	1.559.867.590
Chi phí nhân công	7.224.538.230	7.584.068.513
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.385.764.110	1.207.135.404
Thuế, phí, lệ phí	-	4.912.300
Chi phí khác bằng tiền	7.107.770.343	4.969.255.115
Cộng	341.866.957.783	466.835.078.419

VI.11. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Giá trị nhận nợ vay không phát sinh qua khoản mục tiền tệ	Số tiền (VNĐ)
Nhận nợ vay thanh toán phải trả khách hàng	296.863.369.569
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	Số tiền (VNĐ)
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	308.396.761.828

VII. Những thông tin khác

1. Công cụ tài chính

1.1. Quản lý rủi ro vốn: Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hoá lợi ích của Cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

1.2. Tài sản tài chính: Là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính:

Khoản mục	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Tiền và tương đương tiền	10.494.266.127	10.494.266.127
- Khoản đầu tư tài chính dài hạn	773.463.928	773.463.928
- Các khoản nợ phải thu ngắn hạn	83.953.356.383	83.953.356.383

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN
Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

1.3. Công nợ tài chính: Các khoản công nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực Kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty:

Khoản mục	Số dư ngày 31/12/2017
- Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	104.268.692.873
- Phải trả người bán	16.171.318.985
- Phải trả nội bộ và phải trả khác	8.425.643.840

1.4. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do trong nước thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu và hàng hoá từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro về việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hoá. Rủi ro này Công ty quản trị bằng việc mua hàng từ nhiều nhà cung cấp ở các địa phương khác nhau, cũng như linh hoạt việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua, linh hoạt các biện pháp thu hồi vốn.

Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản trị rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
- Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	101.648.692.873	2.620.000.000	104.268.692.873
- Phải trả người bán	16.171.318.985	-	16.171.318.985
- Phải trả nội bộ và phải trả khác	8.425.643.840	-	8.425.643.840

1.5. Quản lý rủi ro thị trường

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Công ty quản trị rủi ro này bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết. Các khoản đầu tư này được nắm giữ không nhằm mục đích kinh doanh mà phục vụ chiến lược phát triển lâu dài.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu, hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty chịu rủi ro từ sự biến động của giá bán nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua lại các công cụ tài chính này.

2. Thông tin các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Ban Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Lương thưởng của thành viên HĐQT và BGĐ	635.851.203	628.519.546

VI. Thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

IX Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

Giám đốc

Kế toán trưởng

Đặng Trung Lập

Lạng Sơn, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Nông Kim Tiến

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN
Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục 01: Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VNĐ

Nội dung	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	24.531.926.112	800.298.036	1.238.531.439	35.000.000	26.605.755.587
Số tăng trong năm	7.874.022.301	-	-	-	7.874.022.301
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD CB hoàn thành	7.874.022.301	-	-	-	7.874.022.301
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	38.789.185	-	-	-	38.789.185
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	38.789.185	-	-	-	38.789.185
Số dư cuối năm	32.367.159.228	800.298.036	1.238.531.439	35.000.000	34.440.988.703
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	7.012.973.407	798.768.939	446.930.634	35.000.000	8.293.672.980
Số tăng trong năm	1.224.401.509	1.529.097	92.225.336	-	1.318.155.942
- Khấu hao trong năm	1.224.401.509	1.529.097	92.225.336	-	1.318.155.942
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	38.789.185	-	-	-	38.789.185
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	38.789.185	-	-	-	38.789.185
Số dư cuối năm	8.198.585.731	800.298.036	539.155.970	35.000.000	9.573.039.737
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	17.518.952.705	1.529.097	791.600.805	-	18.312.082.607
Tại ngày cuối năm	24.168.573.497	-	699.375.469	-	24.867.948.966

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN
Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục 02: Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	93.768.692.873	93.768.692.873	296.596.761.828	287.956.161.418	85.128.092.463	85.128.092.463
NH TMCP Công thương Việt Nam – CN Lạng Sơn (*)	44.231.302.872	44.231.302.872	116.904.261.479	124.205.231.069	51.532.272.462	51.532.272.462
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Lạng Sơn (**)	38.917.165.001	38.917.165.001	163.600.215.349	152.983.195.349	28.300.145.001	28.300.145.001
Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Lạng Sơn (***)	10.620.225.000	10.620.225.000	16.092.285.000	10.767.735.000	5.295.675.000	5.295.675.000
Vay cá nhân	7.880.000.000	7.880.000.000	9.400.000.000	7.200.000.000	5.680.000.000	5.680.000.000
Đàm Thị Chinh (1)	-	-	-	600.000.000	600.000.000	600.000.000
Dương Kim Dân (2)	2.300.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000	1.350.000.000	1.350.000.000	1.350.000.000
Đào Văn Mạnh	-	-	1.900.000.000	2.950.000.000	1.050.000.000	1.050.000.000
Trịnh Tuyết Minh (3)	2.150.000.000	2.150.000.000	2.500.000.000	1.300.000.000	950.000.000	950.000.000
Bế Văn Táo (4)	3.350.000.000	3.350.000.000	2.700.000.000	950.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000
Hoàng Thị Hoa	-	-	-	50.000.000	50.000.000	50.000.000
Nông Ngọc Thu (5)	80.000.000	80.000.000	-	-	80.000.000	80.000.000
Cộng	101.648.692.873	101.648.692.873	305.996.761.828	295.156.161.418	90.808.092.463	90.808.092.463

(*) Hợp đồng tín dụng số LN31-0111/2016-HĐTDHM/NHCT200-TMLS giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn ngày 01 tháng 11 năm 2016, theo đó Ngân hàng cam kết cho Công ty vay các khoản tiền bằng Đồng Việt Nam, trong thời hạn duy trì hạn mức với tổng mức dư nợ vay theo hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 70 tỷ, thời hạn duy trì hạn mức là từ ngày 01/11/2016 đến hết ngày 30/09/2017, mục đích sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên Giấy nhận Nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng, lãi suất cho vay của khoản nợ là lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 7%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng.

(*) Hợp đồng tín dụng số 0712/2017-HĐCVHM/NHCT200-THUONGMAILS giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn ngày 7/12/2017, với hạn mức là 60 tỷ đồng; mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 07/12/2017 đến hết ngày 30/11/2018; thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng; lãi suất cho vay là lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh

(*) Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số LN48/096/2016-HĐTC/NHCT200-CTCPTMLS/BP195251 ngày 16/06/2016 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn và Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn về việc thế chấp tài sản vay cho hợp đồng tín dụng số LN31-0111/2016-HĐTDHM/NHCT200-TMLS ngày 01/11/2016. Tài sản gắn liền với đất quyền sử dụng đất thửa đất số 209, Trần Đăng Ninh, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Giá trị tài sản thế chấp là 2.600.000.000 đồng, các điều khoản quy định tại hợp đồng này.

(*) Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số LN48/096/2016-HĐTC/NHCT200-CTCPTMLS/CB091872 ngày 16/06/2016 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn và Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn về việc thế chấp tài sản vay cho hợp đồng tín dụng số LN31-0111/2016-HĐTDHM/NHCT200-TMLS ngày 01/11/2016. Tài sản gắn liền với đất quyền sử dụng đất thửa đất số 208, Trần Đăng Ninh, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Giá trị tài sản thế chấp là 6.400.000.000 đồng, các điều khoản quy định tại hợp đồng này.

(**) Hợp đồng tín dụng số 01/2017/704681/HĐTD giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn ngày 29/9/2017. Ngân hàng cấp cho Công ty hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 70 tỷ đồng; mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

(**) Theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/1237523/HĐTD ngày 30/06/2017 giữa Công ty với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Lạng Sơn, theo đó ngân hàng cấp hạn mức thường xuyên theo mức dư nợ tối đa với số tiền là 10 tỷ đồng gồm cả Việt Nam, đồng và ngoại tệ quy đổi, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên vay, thời hạn cấp hạn mức, 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này, lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

(***) Hợp đồng tín dụng số 12113.17.515.2721342.TD giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Lạng Sơn ngày 27/09/2017, với hạn mức là 20 tỷ đồng; mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh nhựa năm 2017-2018; thời hạn cấp hạn mức từ ngày 27/09/2017 đến 15/6/2018; thời gian của mỗi khoản vay trong hạn mức là tối đa 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ, thời hạn cho vay cụ thể sẽ được quy định trong từng văn bản nhận nợ; lãi suất cho vay được quy định tại văn bản nhận nợ hoặc theo lãi suất thả nổi được quy định tại văn bản nhận nợ giữa MB và Công ty.

1) Hợp đồng vay vốn số 16/HĐVT ngày 05/10/2016 giữa bà Đàm Thị Trinh và Công ty, bên cho vay số tiền 200.000.000 đồng, phương thức vay bằng tiền mặt, lãi suất vay là 0% thời gian vay là từ ngày 05/10/2016 đến 31/06/2017 mục đích vay hoạt động sản xuất kinh doanh, hợp đồng không thế chấp.

(1) Hợp đồng vay vốn số 21/HĐVT ngày 14/12/2016 giữa bà Đàm Thị Trinh và Công ty, bên cho vay số tiền 400.000.000 đồng, phương thức vay bằng tiền mặt, lãi suất vay là 0% thời gian vay là từ ngày 14/12/2016 đến 15/09/2017 mục đích vay hoạt động sản xuất kinh doanh, hợp đồng không thế chấp.

(2) Hợp đồng vay vốn số 12/2017/HĐVT ngày 01/12/2017 giữa bà Dương Kim Dân và Công ty, bên cho vay số tiền 800.000.000 đồng, phương thức vay bằng tiền mặt, lãi suất vay là 0% thời gian vay là từ ngày 01/12/2017 đến 31/12/2018 mục đích vay hoạt động sản xuất kinh doanh, hợp đồng không thế chấp

- (2) Hợp đồng vay vốn số 10/2017/HĐVT ngày 31/07/2017 giữa bà Dương Kim Dân và Công ty, bên cho vay số tiền 1.500.000.000 đồng, phương thức vay bằng tiền mặt, lãi suất vay là 0% thời gian vay là từ ngày 31/07/2017 đến 31/12/2017 mục đích vay hoạt động sản xuất kinh doanh, hợp đồng không thể chấp
- (3) Hợp đồng vay vốn số 13/2017/HĐVT ngày 04/12/2017 giữa bà Trịnh Tuyết Minh và Công ty, bên cho vay số tiền 500.000.000 đồng, phương thức vay bằng tiền mặt, lãi suất vay là 0% thời gian vay là từ ngày 04/12/2017 đến 31/12/2018 mục đích vay hoạt động sản xuất kinh doanh, hợp đồng không thể chấp.
- (3) Hợp đồng vay vốn số 09/2017/HĐVT ngày 19/07/2017 giữa bà Trịnh Tuyết Minh và Công ty, bên cho vay số tiền 900.000.000 đồng, phương thức vay bằng tiền mặt, lãi suất vay là 0% thời gian vay là từ ngày 19/07/2017 đến 31/12/2018 mục đích vay hoạt động sản xuất kinh doanh, hợp đồng không thể chấp.
- (3) Hợp đồng vay vốn số 05/2017/HĐVT ngày 06/03/2017 giữa bà Trịnh Tuyết Minh và Công ty, bên cho vay số tiền 200.000.000 đồng, phương thức vay bằng tiền mặt, lãi suất vay là 0% thời gian vay là từ ngày 06/03/2017 đến 31/12/2018 mục đích vay hoạt động sản xuất kinh doanh, hợp đồng không thể chấp.
- (3) Hợp đồng vay vốn số 03/2017/HĐVT ngày 02/02/2017 giữa bà Trịnh Tuyết Minh và Công ty, bên cho vay số tiền 600.000.000 đồng, phương thức vay bằng tiền mặt, lãi suất vay là 0% thời gian vay là từ ngày 02/02/2017 đến 31/12/2018 mục đích vay hoạt động sản xuất kinh doanh, hợp đồng không thể chấp.
- (4) Hợp đồng vay vốn số 01/2017/HĐVT ngày 03/01/2017 giữa Ông Bé Văn Táo và Công ty, bên cho vay số tiền 500.000.000 đồng, phương thức vay bằng tiền mặt, lãi suất vay là 0% thời gian vay là từ ngày 03/01/2017 đến 31/12/2018 mục đích vay hoạt động sản xuất kinh doanh, hợp đồng không thể chấp.
- (4) Hợp đồng vay vốn số 14/2017/HĐVT ngày 08/12/2017 giữa Ông Bé Văn Táo và Công ty, bên cho vay số tiền 1.000.000.000 đồng, phương thức vay bằng tiền mặt, lãi suất vay là 0% thời gian vay là từ ngày 08/12/2017 đến 31/12/2018 mục đích vay hoạt động sản xuất kinh doanh, hợp đồng không thể chấp.
- (4) Hợp đồng vay vốn số 07/2017/HĐVT ngày 12/04/2017 giữa Ông Bé Văn Táo và Công ty, bên cho vay số tiền 700.000.000 đồng, phương thức vay bằng tiền mặt, lãi suất vay là 0% thời gian vay là từ ngày 12/04/2017 đến 31/12/2018 mục đích vay hoạt động sản xuất kinh doanh, hợp đồng không thể chấp. (6) Hợp đồng vay vốn số 03/HĐTD ngày 31/12/2016 giữa Công ty và Bà Hoàng Thị Hoa số tiền vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay 1 năm cá nhân lãi suất 1%/tháng, vay để bổ sung vốn kinh doanh và tự động ra hạn
- (5) Hợp đồng vay vốn số 04/HĐTD ngày 30/6/2016 giữa Công ty và Ông Nông Ngọc Thụ số tiền vay: 80.000.000 đồng, lãi suất vay là 0% thời gian vay là từ ngày 30/6/2016 đến 31/12/2016 mục đích vay hoạt động sản xuất kinh doanh.

Phụ lục 03: Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng	2.620.000.000	2.620.000.000	2.400.000.000	1.707.208.151	1.927.208.151	1.927.208.151
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Lạng Sơn (*)	2.620.000.000	2.620.000.000	2.400.000.000	1.680.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000
NH Agribank - CN Lạng Sơn	-	-	-	19.841.151	19.841.151	19.841.151
Vay dài hạn cá nhân	-	-	-	7.367.000	7.367.000	7.367.000
Huy động vốn các cá nhân KD quây	-	-	-	7.367.000	7.367.000	7.367.000
Cộng	2.620.000.000	2.620.000.000	2.400.000.000	1.714.575.151	1.934.575.151	1.934.575.151

Đơn vị tính: VNĐ

(*) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/704681/HĐTD ngày 12 tháng 07 năm 2016 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lạng Sơn, theo đó BIDV cấp cho khách hàng hạn mức tín dụng với số tiền là 1.200.000.000 đồng (gồm cả Việt Nam đồng), bảo lãnh hạn mức 36 tháng kể từ ngày ký hợp, lãi suất cho vay kỳ đầu tiên là 11,5% chế độ lãi suất của BIDV trong từng thời kỳ. Mục đích vay đầu tư văn phòng Chi nhánh Công ty tại Đình Lập và cửa hàng thương mại trung tâm thị trấn Đình Lập.

(*) Hợp đồng tín dụng số 02/2016/704681/HĐTD ngày 16 tháng 12 năm 2016 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lạng Sơn, theo đó BIDV cấp cho khách hàng hạn mức tín dụng với số tiền là 3.200.000.000 đồng (gồm cả Việt Nam đồng), hạn mức 60 tháng kể từ ngày ký hợp, lãi suất cho vay kỳ đầu tiên là 11,5%, chế độ lãi suất của BIDV trong từng thời kỳ. Mục đích vay đầu tư văn phòng Chi nhánh Công ty tại Hữu Lũng và cửa hàng thương mại tại Hữu Lũng. Tài sản đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản hiện đang thế chấp tại ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN
Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục 04: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của CSH	Nguồn vốn đầu tư XDCB	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	15.000.000.000	2.704.760.117	63.031.500	199.806.194	3.592.939.643	21.560.537.454
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	1.033.558.093	1.033.558.093
- Trích quỹ	-	1.316.215.377	-	-	-	1.316.215.377
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(2.463.493.367)	(2.463.493.367)
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	(49.018.388)	(49.018.388)
2. Số dư cuối năm trước	15.000.000.000	4.020.975.494	63.031.500	199.806.194	2.113.985.981	21.397.799.169
3. Số dư đầu năm nay	15.000.000.000	4.020.975.494	63.031.500	199.806.194	2.113.985.981	21.397.799.169
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	1.707.391.540	1.707.391.540
- Trích quỹ	-	66.779.047	-	-	-	66.779.047
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	(1.033.558.094)	(1.033.558.094)
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	(178.205.151)	-
4. Số dư cuối năm nay	15.000.000.000	4.087.754.541	63.031.500	199.806.194	2.609.614.276	21.960.206.511

(*) Phân phối lợi nhuận các quỹ trong kỳ căn cứ vào Nghị quyết ĐHĐCĐ số 13/2017/ĐHĐCĐTN ngày 25/4/2017 bao gồm:

- Quỹ đầu tư phát triển	66.779.047
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	66.779.047
- Chia cổ tức cho các cổ đông	900.000.000
Cộng	1.033.558.094

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN
Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục 05: Nợ xấu

Nội dung	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Từ 3 năm trở lên	3.173.478.200	-	3.647.709.945	-
+ Công ty CP thép Sông Hồng	3.130.856.500	-	3.130.856.500	-
+ Hợp tác xã Thặng Long + thép	-	-	472.209.745	-
+ Hoàng Thị Bích	9.505.000	-	9.505.000	-
+ Hoàng Văn Thuộc	1.042.700	-	1.042.700	-
+ Nguyễn Thị Lệ Tình	26.485.000	-	26.485.000	-
+ Hoàng Thị Bích Ngọc	5.589.000	-	5.589.000	-
- Từ 1 đến 2 năm	-	-	39.250.137.080	15.230.652.882
+ Công ty CP Cơ khí và kết cấu thép Sóc Sơn	-	-	39.250.137.080	15.230.652.882
Cộng	3.173.478.200	-	42.897.847.025	15.230.652.882